

Số: 04/2017/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

THÔNG TƯ

BAN HÀNH DANH MỤC CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TRONG CÁC PHỤ LỤC CỦA CÔNG ƯỚC VỀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP

Căn cứ Nghị định số [15/2017/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số [82/2006/NĐ-CP](#) ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm;

Căn cứ Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2017.

Điều 3. Thông tư này thay thế Thông tư [40/2013/TT-BNNPTNT](#) ngày 5 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VP Quốc hội;
- VP Chính phủ, Website Chính phủ; Công báo;
- Các Bộ, Cq ngang Bộ, Cq thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Viện KSND Tối cao; Toà án ND Tối cao;
- Tổng cục Hải quan;
- UBND tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Sở NN & PTNT các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Các Cq, đơn vị thuộc Bộ NN & PTNT;
- Lưu: VP Bộ, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hà Công Tuấn

DANH MỤC

CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TRONG CÁC PHỤ LỤC CỦA CÔNG ƯỚC
VỀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2017/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn)

Trong Danh mục này các từ ngữ, ký hiệu dưới đây được hiểu như sau:

1. Loài trong các Phụ lục bao gồm:

a) Loài có tên xác định; hoặc

b) Toàn bộ các loài của một đơn vị phân loại sinh học cao hơn hoặc chỉ một phần xác định của đơn vị phân loại đó.

2. Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) bao gồm:

a) Phụ lục I là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng, nghiêm cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại.

b) Phụ lục II là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng có thể dẫn đến tuyệt chủng, nếu việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại những loài này không được kiểm soát.

c) Phụ lục III là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã mà một nước thành viên CITES yêu cầu nước thành viên khác của CITES hợp tác để kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu vì mục đích thương mại.

3. Từ viết tắt “spp.” được dùng để chỉ tất cả các loài của một đơn vị phân loại sinh học cao hơn.

4. Các chỉ dẫn tham khảo khác đối với đơn vị phân loại sinh học cao hơn loài chỉ nhằm mục đích bổ sung thông tin hoặc phân lớp. Các tên gọi phổ thông sau tên khoa học của một họ chỉ mang tính chất tham khảo. Các giải thích này nhằm xác định các loài trong một họ có liên quan được quy định trong các Phụ lục của CITES. Trong hầu hết các trường hợp, không phải tất cả loài trong cùng một họ đều được quy định trong các Phụ lục của CITES.

5. Những từ viết tắt sau đây được sử dụng đối với bậc phân loại thực vật dưới loài:

a) “ssp.” được dùng để chỉ phân loài/loài phụ; và

b) “var(s).” được dùng để chỉ đơn vị phân loại dưới loài: thứ

6. Không có loài hoặc một đơn vị phân loại sinh học của thực vật thuộc Phụ lục I được chú giải có liên quan tới loài lai của nó được quy định phù hợp với Điều III của Công ước, vì vậy cây lai nhân giống nhân tạo từ một hoặc nhiều loài hoặc loài phụ có thể được buôn bán khi có chứng nhận nhân giống nhân tạo. Hạt giống, phần hoa, hoa cắt, cây con và mô của các loài lai này được chứa trong bình (in vitro), trong môi trường rắn hoặc lỏng, được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

7. Tên quốc gia trong ngoặc đơn, sau tên của loài thuộc Phụ lục III là tên các quốc gia thành viên CITES đề xuất đưa loài đó vào Phụ lục.

8. Các thuật ngữ và biểu đạt dưới đây được sử dụng trong các chú giải của các Phụ lục được hiểu là:

a. Dịch chiết:

Bất kỳ cơ chất nào có được trực tiếp từ nguyên liệu thực vật bằng các tác động vật lý hoặc hoá học liên quan đến quá trình chế biến sản xuất. Một dịch chiết có thể ở dạng rắn (ví dụ như tinh thể, nhựa, mảnh vụn tinh hoặc thô), bán lỏng (ví dụ như thể dẻo, nhầy) hoặc chất lỏng (ví dụ như dung dịch, chất hoà tan, dầu, và dầu ép).

b. Sản phẩm hoàn chỉnh được đóng gói phục vụ bán lẻ:

Các sản phẩm, được vận chuyển đơn lẻ hoặc với số lượng lớn, không cần chế biến thêm, đã được đóng gói, dán nhãn để sử dụng ngay hoặc phục vụ cho bán lẻ ở công đoạn phù hợp để được bán hoặc được sử dụng bởi người mua.

c. Bột:

Khô, rắn ở dạng tinh hoặc thô;

d. Dăm gỗ:

Gỗ được băm thành mảnh nhỏ.

9. Một loài được đưa vào Phụ lục thì tất cả các bộ phận và dẫn xuất của chúng cũng nằm trong Phụ lục đó, trừ khi có chú giải cụ thể. Dấu (#) đứng trước các số đặt cùng hàng tên của một loài hoặc một đơn vị phân loại sinh học cao hơn thuộc Phụ lục II hoặc III được dùng để xác định các bộ phận hoặc dẫn xuất của loài thực vật được quy định là 'mẫu vật' thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước theo Điều I, Khoản b, Điểm iii.

10. Các chú giải tra cứu được quy định tại phần cuối của Danh mục này.

11. Trong Danh mục này, tên gọi chính thức của loài là tên khoa học (Latin). Tên tiếng Việt và tiếng Anh chỉ có giá trị tham khảo.

12. Trong Danh mục này, phần động vật được sắp xếp thứ tự theo mức độ tiến hóa (lớp, bộ, họ...), phần thực vật được sắp xếp theo thứ tự A, B, C...

PHẦN A. NGÀNH ĐỘNG VẬT CÓ DÂY SỐNG/PHYLUM CHORDATA

I. LỚP ĐỘNG VẬT CÓ VÚ/ CLASS MAMMALIAS

(MAMMALS)

Phụ lục I	Phụ lục II	Phụ lục III
ARTIODACTYLA/ BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẤM		
Antilocapridae/ Pronghorn/ Họ Linh dương		
<i>Antilocapra americana</i> / Mexican pronghorn antelope/ Sừng dương sừng nhánh Mexico (chỉ áp dụng đối với quần thể ở Mexico; các quần thể còn lại không quy định trong Phụ lục)		
Bovidae/ Antelopes, cattle, duikers, gazelles, goats, sheep, etc./ Họ Trâu bò		
<i>Addax nasomaculatus</i> / Addax/ Linh dương sừng xoắn châu phi		
	<i>Ammotragus lervia</i> / Barbary sheep/ Cừu barbary	
		<i>Antelope cervicapra</i> /Blackbuck antelope/ Sừng dương đen (Nepal)
<i>Bos gaurus</i> / Gaur/ Bò tót (trừ loài bò tót đã được thuần hóa là <i>Bos frontalis</i> không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước)		
<i>Bos mutus</i> / Wild yak/ Bò ma-tu (trừ loài bò nhà <i>Bos grunniens</i> không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước)		
<i>Bos sauveli</i> / Kouprey/ Bò xám		
		<i>Boselaphus tragocamelus</i> /Nilgai/ (

		Pakistan)
		Bubalus arnee/ Water buffalo/ Trâu rừng (Nepal) (trừ Trâu nhà được biết là loài <i>Bubalus bubalis</i>)
Bubalus depressicornis/ Lowland anoa/ Trâu rừng nhỏ		
Bubalus mindorensis/ Tamaraw/ Trâu rừng philippines		
Bubalus quarlesi/ Mountain anoa/ Trâu núi		
	Budorcas taxicolor/ Takin/ Trâu rừng tây tạng	
	Capra caucasica / West Caucasian Tur/ Sơn dương tây caucasus	
Capra falconeri/ Markhor/ Sơn dương núi pakistan		
		Capra hircus aegagrus/ goat/ dê (trừ mẫu vật dê nhà) (Pakistan)
		Capra sibirica/ Siberian ibex/Linh dương siberi (Pakistan)
Capricornis milneedwardsii/ Chinese Serow/ Sơn dương trung quốc		
Capricornis rubidus/ Red serow/ Sơn dương đỏ		
Capricornis sumatraensis/ Mainland serow/ Sơn dương đại lục		
Capricornis thar/ Himalayan serow/ Sơn dương himalaya		
	Cephalophus brookei/ Brooke's duiker/ Linh dương tây châu phi brooke	
	Cephalophus dorsalis/ Bay duiker/ Linh dương nam châu phi	
Cephalophus jentinki/ Jentink's duiker/ Linh dương thân bạc		

	<i>Cephalophus ogilbyi</i> / Ogilby's duiker/ Linh dương trung phi	
	<i>Cephalophus silvicultor</i> / Yellow - backed duiker/ Linh dương lưng vàng	
	<i>Cephalophus zebra</i> / Zebra antelope/ Linh dương lưng vằn	
	<i>Damaliscus pygargus pygargus</i> / Bontebok/ Linh dương đồng cỏ nam phi	
		<i>Gazella bennettii</i> / Indian gazelles/ Linh dương ấn độ(Pakistan)
<i>Gazella cuvieri</i> / Mountain gazelle/ Linh dương vằn (Tunisia)		
		<i>Gazella dorcas</i> / Dorcas gazelle/ Linh dương ai cập (Algeria, Tunisia)
<i>Gazella leptoceros</i> / Slender-horned gazelle/ Linh dương vằn sừng nhỏ		
<i>Hippotragus niger variani</i> / Giant sable antelope/ Linh dương đen lớn		
	<i>Kobus leche</i> / Lechwe/ Linh dương đồng cỏ phương nam	
<i>Naemorhedus baileyi</i> / Manchurian goral/ Sơn dương măn châu		
<i>Naemorhedus caudatus</i> / Manchurian goral/ Sơn dương đuôi dài		
<i>Naemorhedus goral</i> / Manchurian goral/ Sơn dương himalaya		
<i>Naemorhedus griseus</i> / Chinese goral/ Sơn dương trung quốc		
<i>Nanger dama</i> / Dama gazelle/ Linh dương sa mạc		
<i>Oryx dammah</i> / Scimitar-horned oryx/ Linh dương sừng móc		
<i>Oryx leucoryx</i> / Arabian oryx/ Linh dương sừng thẳng ả rập		